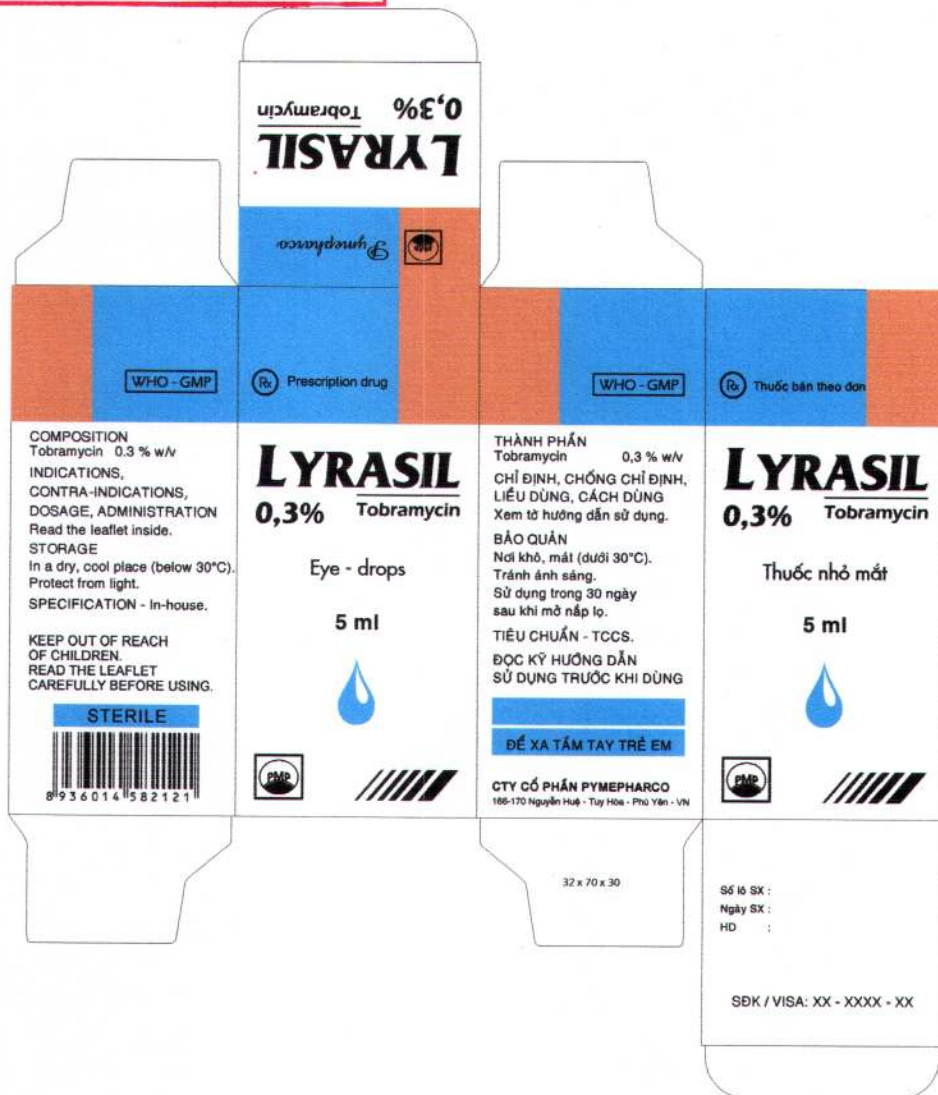


102/144

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 04/3/2014



HUYNH TẤN NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nhãn lọ



LD SX: AAMMY

HD : DDMYY

Bảo quản nơi khô, mát
(dưới 30°C). Tránh ánh sáng.
Store in a dry, cool place
(below 30°C). Protect from light.

CTY CP PYMEPHARCO

 *Pymepharco*

LYRASIL

0,3% Tobramycin

Mỗi ml chứa 3 mg Tobramycin
Each ml contains 3 mg Tobramycin

 **5 ml**

Thuốc nhỏ mắt
Eye - drops

Handwritten signature



HUỲNH TẤN NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Rx

Thuốc bán theo đơn. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.

Thuốc nhỏ mắt LYRASIL 0,3% (Tobramycin 15 mg)

THÀNH PHẦN: Mỗi dung dịch 5 ml chứa

Tobramycin 15 mg

Tá dược: benzalkonium clorid, acid boric, natri clorid, natri hydroxyd, nước cất pha tiêm.

DƯỢC LỰC HỌC

Tobramycin là một kháng sinh nhóm aminoglycosid thu được từ môi trường nuôi cấy *Streptomyces tenebrarius*. Thuốc có tác dụng diệt khuẩn. Mặc dù cơ chế chưa được biết đầy đủ, nhưng có lẽ thuốc ức chế quá trình tổng hợp protein ở các chủng vi khuẩn nhạy cảm.

Tobramycin có tác dụng với nhiều vi khuẩn Gram âm hiếu khí và một số vi khuẩn Gram dương hiếu khí bao gồm: *E. coli*, *Enterobacter* và *Serratia*, *Ps. aeruginosa*. Tobramycin có tác dụng tốt với các chủng *S. typhi*, *S. flexner*, *Proteus spp.*

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Tobramycin thẩm thấu rất kém vào thủy dịch. Lượng thuốc Tobramycin dùng ngoài sẽ được rửa sạch khỏi bề mặt của mắt trong khoảng 15 - 30 phút. Nồng độ Tobramycin toàn thân vẫn ở dưới mức có thể phát hiện được trong cơ thể người được điều trị bằng dung dịch nhỏ mắt Tobramycin 0,3%.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị các nhiễm khuẩn mắt do các chủng vi khuẩn nhạy cảm với Tobramycin: viêm mí mắt, viêm túi lệ, viêm kết mạc, viêm giác mạc, loét giác mạc, mụn mí mắt.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Trường hợp nhẹ và thông thường: nhỏ 1 - 2 giọt mỗi 4 giờ.

Trường hợp nặng: nhỏ 2 giọt mỗi giờ cho đến khi triệu chứng được cải thiện thì giảm liều từ từ và ngưng thuốc.

THẬN TRỌNG

- Để ngăn ngừa tình trạng kháng thuốc, trong thời gian điều trị cần phải kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn và chỉ dùng thuốc với liều lượng và thời gian tối thiểu cần thiết.
- Khi dùng thuốc cùng thời với các aminoglycosid toàn thân khác, nên theo dõi nồng độ aminoglycosid toàn phần trong huyết thanh.
- Thận trọng khi dùng thuốc cho phụ nữ có thai.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân mẫn cảm với các thành phần của thuốc hoặc kháng sinh nhóm aminoglycosid, hoặc bacitracin.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Sử dụng đồng thời với các chất gây độc cơ quan thính giác và thận có thể làm tăng độc tính của các aminoglycosid.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Chỉ sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai trừ khi thật cần thiết.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có nghiên cứu về tác dụng của thuốc đối với khả năng lái xe và vận hành máy móc. Khi lái xe và vận hành máy móc cần tính đến khả năng đôi khi có thể nhòa mắt ngay sau khi nhỏ thuốc vào mắt.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Thuốc nhỏ mắt Tobramycin thường được dung nạp tốt. Những dấu hiệu và triệu chứng như: ngứa mắt, kích thích, sưng mí mắt và đỏ kết mạc đôi khi có thể xảy ra.

Thông báo cho thầy thuốc tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.



QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

Viêm giác mạc, ban đỏ và tăng tiết nước mắt có thể xảy ra. Vì thuốc chỉ dùng ngoài nên không có nguy cơ gây ngộ độc toàn thân khi sử dụng.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

BẢO QUẢN: Nơi khô, mát (dưới 30°C). Tránh ánh sáng.

TIÊU CHUẨN: Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS).

TRÌNH BÀY: Hộp 1 lọ 5 ml.

CTY CP PYMEPHARCO

166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hoà, Phú Yên

GMP - WHO



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Toanh




HUỖNH TẤN NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC